

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| 1 | TRUNG QUỐC | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên  – Dân cư, xã hội  – Kinh tế  – Sự thay đổi của nền kinh tế | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế của Trung Quốc.  **Thông hiểu**  – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh - xã hội.  – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.  – Trình bày được vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.  **Vận dụng**  – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.  – Vẽ được biểu đồ, nhận xét.  **Vận dụng cao**  – Khai thác, chọn lọc được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Trung Quốc.  – Viết được báo cáo về những thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải. | 2 |  |  |  |
| 2 | ĐÔNG NAM Á | – Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên  – Dân cư, xã hội  – Kinh tế  – Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)  – Hoạt động kinh tế đối ngoại | **Nhận biết**  – Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.  **Thông hiểu**  – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.  – Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.  – Giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.  – So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.  – Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.  **Vận dụng**  – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.  – Vẽ được biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.  – Truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.  **Vận dụng cao**  – Khai thác, chọn lọc, hệ thống hoá các tư liệu về địa lí khu vực ASEAN. | 1 | 1 | 1 |  |
| 3 | Chủ đề n |  |  |  |  |  |  |
| Số câu/ loại câu | | |  | 3 câu TL | 1 câu TL | 1 câu TL | 0 câu TL |
| **Tổng hợp chung** | | |  | **60%** | **30%** | **10%** | **0%** |